**CHƯƠNG 5. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VÀ PHÒNG, TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI**

**BÀI 10. KĨ THUẬT NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VẬT NUÔI**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **STT** |
| 1. **Về kiến thức, kĩ năng** | | |
| **Kiến thức** | Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi  Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. | (1) |
| **Kĩ năng** | Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | (2) |
| **2. Về năng lực**  ***2.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| Nhận thức công nghệ | Nhận thức được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. | (3) |
| Giao tiếp công nghệ | Sử dụng được một số thuật ngữ về kỹ thuật chăn nuôi. | (4) |
| Đánh giá công nghệ | Nhận xét đánh giá được tính hợp lý của các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi cái sinh sản. | (5) |
| ***2.2. Năng lực chung*** | | |
| Tự chủ và tự học: | Lập và thực hiện được kế hoạch học tập, lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp, lưu giữ thông tin có chọn lọc, bằng ghi tóm tắt các từ khóa, ghi chú bài giảng của giáo viên theo ý chính; lập và thực hiện được kế hoạch học tập, lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp, lưu giữ thông tin có chọn lọc, bằng ghi tóm tắt các từ khóa, ghi chú bài giảng của giáo viên theo ý chính. | (6) |
| Giao tiếp và hợp tác | Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản, biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý, điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung, khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm. | (7) |
| **3. Về phẩm chất** | | |
| Chăm chỉ | Có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. | (8) |
| Trách nhiệm | Quan tâm đến công việc chăn nuôi của gia đình, có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống khi chăn nuôi tại gia đình. | (9) |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu** | Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài | Đọc trước bài học trong SHS |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |
| **Hoạt động 2.1. Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SGK Và SBT là tài liệu tham khảo chính | Tìm hiểu về quy trình chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi ở gia đình, địa phương |
| **Hoạt động 2.2. Chăn nuôi vật nuôi** | Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh mô tả vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi, các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. | Tìm hiểu về quy trình chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi ở gia đình, địa phương |
| **Hoạt động 2.3. Vệ sinh trong chăn nuôi** | Các công việc vệ sinh trong chăn nuôi | SHS |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | SGK, SBT | SHS |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**- Tiết 1:** 1. Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi

2. Chăn nuôi vật nuôi

2.1. Chăn nuôi vật nuôi non

**- Tiết 2:** 2. Chăn nuôi vật nuôi (tiếp theo)

    2.2. Chăn nuôi vật nuôi đực giống

    2.3. Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản

**- Tiết 3:** 3. Vệ sinh trong chăn nuôi

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **PP/Công cụ đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Mở đầu**  (5 phút) | Kích thích nhu cầu tìm hiểu về kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi | Chăm sóc vật nuôi ở các mỗi giai đoạn phát triển | PPDH: vấn đáp  KTDH: tia chớp | GV nhận xét, đánh giá |
| **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới** |  |  |  |  |
| **Hoạt động 2.1.**  (20 phút) | (1), (2), (3), (4), (5), (7) | - Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi  - Chăn nuôi vật nuôi non | PPDH: thảo luận, trực quan, thuyết trình, giải quyết vấn đề.  - KTDH: chia sẻ nhóm đôi, thông tin phản hồi. | -HS tự đánh giá  -Đánh giá đồng đẳng  -GV đánh giá |
| **Hoạt động 2.2.**  (55 phút) | (1), (2), (3), (4), (5), (7) | - Chăn nuôi vật nuôi đực giống  - Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản | PPDH: thảo luận, trực quan, thuyết trình, giải quyết vấn đề.  - KTDH: chia sẻ nhóm đôi, thông tin phản hồi. | -HS tự đánh giá  -Đánh giá đồng đẳng  -GV đánh giá |
| **Hoạt động 2.3.**  (40 phút) | (1), (2), (3), (4), (5), (7) | Vệ sinh trong chăn nuôi | PPDH: thảo luận, trực quan, thuyết trình, giải quyết vấn đề.  - KTDH: chia sẻ nhóm đôi, thông tin phản hồi. | -HS tự đánh giá  -Đánh giá đồng đẳng  -GV đánh giá |
| **Hoạt động 3. Luyện tập**  (10 phút) | (4), (6), (7) | Bài tập phần Luyện tập trong SGK và trong VBT | PPDH: thảo luận  KHDH: chia sẻ nhóm đôi | Đánh giá đồng đẳng |
| **Hoạt động 4. Vận dụng**  (5 phút) | (4), (5), (6), (8), (9) | Bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong VBT | PPDH: thuyết trình, vấn đáp | -HS tự đánh giá  -GV nhận xét, đánh giá |
| **B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**  **Hoạt động 1. Mở đầu :**  **a) Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu kỹ thuật nuô,i chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.  **b) Nội dung:** Tình huống và câu hỏi ở phần mở đầu trong sách học sinh  **c) Sản phẩm dự kiến:** Nhu cầu tìm hiểu về kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  + Giáo viên nêu tình huống về vật nuôi như gà, vịt và yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi trong sách học sinh  + Giáo viên minh họa hình ảnh về các giai đoạn phát triển của một số đồ vật nuôi  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn hóa kiến thức  + GV kết luận chốt kết thức  + Giáo viên giới thiệu mục tiêu bài học | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả theo hiểu biết  Nhận xét các câu trả lời của nhau |   **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 2.1.** **Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi**.  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nêu được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.  **b) Nội dung:** Tác động của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi đến năng suất chất lượng sản phẩm chăn nuôi.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh về vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi để thực hiện yêu cầu trả lời câu hỏi trong sách học sinh.  Câu 1. Quan sát hình 19.1 và nêu những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của vật nuôi.  Câu 2. Hãy liệt kê những công việc cần làm để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.  Câu 3. Theo em, vì sao tiêu vaccine lại giúp vật nuôi phòng ngừa được bệnh dịch?  Giáo viên gợi mở yêu cầu học sinh Tìm hiểu và liệt kê những việc cần làm để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.   - Gợi ý: cho vật nuôi ăn, tắm chải,  vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng bệnh cho vật nuôi  Giáo viên gợi mở, tổ chức học sinh học tập theo nhóm đôi để tìm hiểu và phân tích về mỗi vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.  - Khi đưa vắc xin vào cơ thể vật nuôi khỏe mạnh, cơ thể sẽ phản ứng lại bằng cách tạo ra kháng thể chống lại tác nhân gây bệnh. Khi bị mầm bệnh xâm nhập, cơ thể vật nuôi đã có kháng thể giúp vật nuôi khó bị mắc bệnh, gọi là vật nuôi đã có khả năng miễn dịch.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 1.   * Quá trình chọn con giống * Quá trình nuôi dưỡng * Quá trình chăm sóc * Quá trình phòng và trị bệnh   Câu 2.  Những công việc cần làm để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.   * Chuẩn bị chuồng trại một cách tốt nhất, chọn nơi đủ mát, đủ ấm, đủ ánh sáng để làm chuồng * Nuôi vật nuôi mẹ tốt để có nhiều sữa chất lượng tốt cho đàn con. * Tiêm thuốc phòng các bệnh theo đúng từng giai đoạn * Giữ ấm cho cơ thể. * Cho bú sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng và kháng thể (chất chống bệnh). * Tập cho vật nuôi non ăn sớm với các loại thức ăn có đủ chất dinh dưỡng để bổ sung sự thiếu hụt chất dinh dưỡng trong sữa mẹ. * Cho vật nuôi vận động và tiếp xúc với nhiều ánh sáng. * Giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi. * Cần phải cho vật nuôi vận động, tắm chải thường xuyên, kiểm tra thể trọng và tinh dịch. * Thức ăn phải có đủ năng lượng, protein, chất khoáng và vitamin. * Thường xuyên bổ sung các loại thức ăn để đảm bảo vật nuôi được đủ chất * Làm cho khả năng phối giống và chất lượng đời sau có thể tăng lên.   Câu 3.  Tiêm vaccine giúp vật nuôi phòng ngừa được bệnh dịch vì vắc xin là chế phẩm có tính kháng nguyên để tạo miễn dịch đặc hiệu chủ động nhằm tăng sức đề kháng của cơ thể đối với tác nhân gây bệnh, kích thích hệ thống miễn dịch tự nhận diện, loại bỏ các mầm mống vi sinh vật tấn công cơ thể động vật.  - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép. |   **Nội dung cốt lõi:** Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, tiêm phòng và điều trị bệnh kịp thời, giữ vệ sinh thân thể và chuồng trại giúp chàng vật nuôi sẽ luôn khỏe mạnh, phát triển tốt.  **Hoạt động 2.2. Chăn nuôi vật nuôi.**  **2.2.1. Chăn nuôi vật nuôi non**  **a. Một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết được một số đặc điểm sinh lý trong cơ thể của vật nuôi  **b) Nội dung:** Một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non  **c) Sản phẩm dự kiến:** Một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh hoặc video clip về một số vật nuôi non và trả lời câu hỏi trong sách học sinh  Câu 4. Hãy nêu các đặc điểm cơ thể của vật nuôi non mà em biết trong từng trường hợp được minh họa ở hình 10.2.  Giáo viên gợi mở và dẫn dắt học sinh khám phá các đặc điểm cơ thể của vật nuôi non  Gợi ý: Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non, Ví dụ, ở gà con, khả năng sinh nhiệt kém, điều tiết thân nhiệt kém dẫn đến dễ bị nhiễm lạnh, dễ phát sinh các bệnh về hô hấp, tiêu hóa…Ở lợn con do chức năng miễn dịch kém, đề kháng kém dẫn đến dễ phát sinh các bệnh về tiêu hóa, bệnh cảm sốt.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 4.  Hình 10.2a: Lợn con :   * Lợn con có tốc độ sinh trưởng phát triển nhanh * Hệ thần kinh điều khiển cân bằng nhiệt chưa hoàn chỉnh. * Bộ máy tiêu hóa của lợn con phát triển nhanh nhưng chưa hoàn thiện về chức năng, khả năng tiêu hóa của lợn con rất hạn chế. * Chức năng miễn dịch chưa tốt. * Khả năng điều hòa thân nhiệt kém (do lớp mỡ dưới còn mỏng, lượng mỡ và đường glycogen dự trữ còn ít nên khả năng cung cấp năng lượng bị hạn chế)   Hình 10.2b: Gà con   * Gà con mới nở có thân nhiệt chưa ổn định, khả năng điều tiết thân nhiệt kém (lớp lông tơ mỏng manh và khả năng sinh nhiệt kém nên dễ mất nhiệt, giảm thân nhiệt và chết vì lạnh) * Sức đề kháng kém, chức năng miễn dịch chưa tốt. * Gà con có tốc độ sinh trưởng cao nhất nên nhu cầu dinh dưỡng cao nhưng do kích thước và chức năng hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.   Hình 10.2c: Bê ( Bò con)   * Chưa có sừng. * Sức đề kháng của bê con vẫn còn yếu * Chức năng hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép |   **Nội dung cốt lõi:** Tùy theo từng loại vật nuôi non, cơ thể sẽ có những đặc điểm sau: Sự điều tiếp thân nhiệt chưa hoàn chỉnh, chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh, chức năng miễn dịch chưa tốt, sức đề kháng kém.  ***b. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non***  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nêu được một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non.  **b) Nội dung:** Một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi non.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Một số công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh về một số vật nuôi non và trả lời câu hỏi trong sách học sinh   Câu 5. Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non như thế nào?  Câu 6. Nêu tác dụng của các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non được minh họa trong mỗi trường hợp ở hình 10.3.  Giáo viên gợi mở và yêu cầu học sinh xem hình 10.3 tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm đôi để thực hiện yêu cầu trong sách học sinh. Nêu tác dụng của các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non được minh họa trong mỗi trường hợp ở hình người 10.3  Gợi ý: Hình a: ủ ấm cho gà con;  Hình b: cho bú sữa, đặc biệt là sữa đầu để cung cấp dinh dưỡn,g kháng thể cho lợn con;  Hình c: cung cấp dinh dưỡng cho lợn con thông qua thức ăn; Hình d: cho lợn con vận động giúp cơ thể khỏe mạnh; Hình e: giữ vệ sinh chuồng nuôi; Hình f: Phòng bệnh cho vật nuôi non.  Giáo viên gợi mở, dẫn dắt và tổ chức học sinh hoạt động theo nhóm để kể tên các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.  Giáo viên gợi mở, dẫn dắt học sinh tìm hiểu thêm về thành phần sữa đầu của lợn trong sách học sinh.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  **Câu hỏi 5.**  Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non   * Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh: Con non mới sinh ra chưa có khả năng điều hòa thân nhiệt được như những con lớn => Cần giữ ấm nếu không cơ thể sẽ rất yếu, chậm phát triển. * Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh: Con non mới sinh từ trong bụng mẹ chỉ có nguồn thức ăn chính là sữa mẹ, chưa được tiếp xúc với những nguồn thức ăn lạ => Cần chọn thức ăn dễ tiêu hóa. * Chức năng hệ miễn dịch chưa tốt, sức đề kháng kém => Vật nuôi con dễ bị mắc bệnh hơn những vật nuôi trưởng thành.   **Câu hỏi 6.**   * Hình 10.3a: Sưởi ấm để tránh nhiễm lạnh làm phát sinh các bệnh về hô hấp, tiêu hóa cho vật nuôi non. * Hình 10.3b: Cho bú sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng, nhiều kháng thể giúp cho cơ thể vật nuôi non chống lại bệnh tật. * Hình 10.3c: Tập cho ăn sớm để cung cấp dinh dưỡng cho vật nuôi non và giúp hệ tiêu hóa phát triển hoàn thiện. * Hình 10.3d: Cho vật nuôi non vận động, tiếp xúc nhiều với nắng sớm để cơ thể khỏe mạnh và trao đổi chất tốt. * Hình 10.3e: Giữ vệ sinh chuồng sạch sẽ, khô ráo; cho uống hoặc tiêm vaccine phòng bệnh đầy đủ. * Hình 10.3f: Thường xuyên theo dõi để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời; nhanh chóng cách li vật nuôi non nhiễm bệnh để tránh lây lan.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau.    - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép |   **Nội dung cốt lõi:** Để vật nuôi non khỏe mạnh cần cho bú sữa đầu, tập cho ăn sớm, cho vật nuôi được vận động, sưởi ấm, tiếp xúc nhiều với nắng sớm và được nuôi trong môi trường đảm bảo vệ sinh. Tiêm phòng định kỳ, theo dõi để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời cho vật nuôi.  **2.2.2. Chăn nuôi vật nuôi đực giống**  **a. Yêu cầu đối với vật nuôi đực giống**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết được các yêu cầu đối với vật nuôi đực giống  **b) Nội dung:** Một số tiêu chuẩn đối với vật nuôi đực giống có chất lượng cao  **c) Sản phẩm dự kiến:** Yêu cầu đối với vật nuôi đực giống  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh về vật nuôi đực giống tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm hoặc cá nhân để trả lời câu hỏi trong sách học sinh:   Câu 7. Vật nuôi đực giống có vai trò gì trong sự phát triển của đàn?  -Giáo viên gợi mở, dẫn dắt tổ chức học sinh hoạt động theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi trong sách học sinh:  Câu 8. Các vật nuôi đực giống trong hình 10.4 có đặc điểm cơ thể như thế nào?  -Giáo viên gợi mở dẫn dắt học sinh hoạt động theo nhóm đôi để khám phá các yêu cầu đối với vật nuôi đực giống:  + Đối với lợn, bò, dê  + Đối với gà, vịt  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 7. Vai trò của vật nuôi đực giống trong sự phát triển cả đàm: đạt khả năng phối giống cao và cho con giống tốt cho vật nuôi đời sau.  Câu 8.   * Hình 10.4a: Hình thể chắc,khỏe mạnh, hệ cơ phát triển, thân dài, lưng thẳng, yếm và u vai phát triển, tai to và cụp xuống. * Hình 10.4b: Thân có lông màu trắng tuyền, đầu nhỏ, dài, tai to dài rủ xuống kín mặt, tai cúp về phía trước, cổ nhỏ và dài, mình dài, vai – lưng – mông và đùi rất phát triển, mõm thẳng. * Hình 10.4c: Ngoại hình to, khỏe, lượng sữa dê khá. Con dê đực được chọn làm giống có đầu ngắn và rộng, đôi tai to cân đối và dày, cổ to, ngực nở, bốn chân cứng cáp, 2 dịch hoàn to và đều đặn, khả năng phối giống đạt tỷ lệ thụ thai cao.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép. |   **Nội dung cốt lõi:** Vật nuôi đực giống cần cân đối, rắn chắc, khỏe mạnh, thể hiện rõ tính đực.  **b. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh trình bày được các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống.  **b) Nội dung:** Một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi đực giống.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Giáo viên gợi mở và tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi: Để có sức khỏe và thể trạng tốt, vật nuôi đực giống cần được nuôi dưỡng và chăm sóc như thế nào?  - Giáo viên dẫn dắt học sinh nêu được các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm đôi, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép. |   **Nội dung cốt lõi:** Nuôi được giống cần được cung cấp thức ăn đủ năng lượng, protein, vitamin và chất khoáng, cho vật nuôi vận động hàng ngày, nuôi dưỡng trong môi trường đảm bảo vệ sinh, tiêm phòng định kỳ, theo dõi để phát hiện và điều trị kịp thời các bệnh truyền nhiễm.  **2.2.3. Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản**  **a. Yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết được các yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản.  **b) Nội dung:** Một số yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản có chất lượng cao.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh về giai đoạn mang thai của các vật nuôi cái sinh sản, tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong sách học sinh:  Câu 9. Cơ thể vật nuôi thay đổi như thế nào khi mang thai (hình 10.5)?  - Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh về giai đoạn nuôi con của các vật nuôi cái sinh sản, tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ trả lời câu hỏi:  Câu 10. Hãy nêu nhiệm vụ của các vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con (hình 10.6)?  - Giáo viên gợi mở, dẫn dắt của học sinh hoạt động theo nhóm đôi để nêu được yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản.  Giáo viên gợi mở, dẫn dắt giúp học sinh đọc và tìm hiểu thông tin về số con non trong 1 lứa đẻ của trâu, bò, dê.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 9. Hình 10.5a: Lợn cái mang thai   * + Thường xuất hiện trạng thái phù thũng ở tứ chi, thành bụng.   + Tuyến vú phát triển to lên, bè ra.   + Lợn yên tĩnh ăn uống tốt và ngủ ngon, bụng phát triển to lên.   + Tình trạng lợn không có biểu hiện động dục lại sau 21 ngày kể từ lúc phối. * Hình 10.5b: Bò cái mang thai   + Bầu vú có sự thay đổi như bầu vú căng, phát triển lớn khi bò có chửa, càng gần đẻ càng lớn.   + Bầu vú ôm gọn, sờ vào thì săn chắc, các núm vú se nhỏ gọn gàng và không có nếp nhăn.   + Khi nặn thử có tia sữa non bắn ra. Nếu bò vừa mới mang thai thì sữa non đục trắng, bắn ra thành tia. * Hình 10.5c: Dê cái mang thai   + Sau khi lên giống theo dõi đến chu kỳ động dục tiếp theo (21 ngày) nếu không thấy dê cái có biểu hiện động dục thì có thể chúng đã mang thai.   + Sau một thời gian, chúng sẽ tăng cân, lông mềm mượt hơn.   + Dê cái có thể tăng khoảng 5kg trong suốt giai đoạn chửa, không để dê quá béo.   Câu 10.  Nhiệm vụ của các vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con:   * Hình 10.6a: Giữ ấm cho lợn con, cho lợn con bú * Hình 10.6b: Cho bê con bú sữa đầu, hướng dẫn con một số kỹ năng sống, tách bê con khỏi mẹ để rèn luyện khả năng tự lập. * Hình 10.6c: Cho dê con bú sữa đầu, tách dê con khỏi mẹ để rèn luyện khả năng tự lập.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép. |     **Nội dung cốt lõi:** Vật nuôi cái sinh sản cần có khả năng sinh con có tỉ lệ sống cao, tiết sữa tố,t tỷ lệ con nuôi sống đến lúc cai sữa cao, đàn con có chất lượng tốt.  **b. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh trình bày được các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.  **b) Nội dung:** Một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi cái sinh sản.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Một số công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Giáo viên gợi mở vấn đề của chế độ nuôi dưỡng ảnh hưởng đến chất lượng của đàn vật nuôi con.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi:  Câu 11. Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản có tác động thế nào đến đàn vật nuôi con?  - Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi:  Câu 12. Theo em, cần làm gì để phòng và điều trị bệnh thông thường do ký sinh trùng như giun, sán, ve …gây ra cho vật nuôi?  - Giáo viên gợi mở, dẫn dắt học sinh hoạt động theo nhóm đôi để kể được những yêu cầu khi chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.  - Giáo viên dẫn dắt học sinh tìm hiểu thêm thông tin về nuôi dưỡng bò cái mang thai.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 11. Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn mang thai và giai đoạn nuôi con ảnh hưởng đến sức khỏe cúa mẹ và con non trong bụng và chất lượng của đàn vật nuôi con.  Câu 12.   * Vệ sinh nơi ở, chuồng trại vật nuôi sạch sẽ. Đảm bảo nơi ở khô ráo, thoáng mát * Tiêm vaccine định kì cho vật nuôi * Theo dõi và chăm sóc thường xuyên cho vật nuôi nhằm phát hiện và điều trị bệnh kịp thời. * Cách li vật nuôi nhiễm bệnh để tránh lây lan cho những vật nuôi khác.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép |     **Nội dung cốt lõi:** Ở giai đoạn mang thai và nuôi con vật nuôi cái sinh sản cần được cung cấp đủ các chất dinh dưỡng và bổ sung thêm thức ăn nhân rau tươi củ quả Cần theo dõi chăm sóc khi vật nuôi sinh con để có chế độ vận động phù hợp đảm bảo vệ sinh và tiêm phòng bệnh.  **2.3. Vệ sinh trong chăn nuôi**  **2.3.1. Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết được các yêu cầu về vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.  **b) Nội dung:** Yêu cầu vệ sinh trong xây dựng chuồng, thức ăn, xử lý phân, rác… khi nuôi dưỡng của vật nuôi.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Các yêu cầu vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát hình 10.7 tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân hoặc nhóm đôi để trả lời câu hỏi:  Câu 13. Nêu những yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường sống của vật nuôi?  - Giáo viên cho học sinh xem hình ảnh hoặc video clip về chất thải và rác thải trong chăn nuôi, tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong sách học sinh:  Câu 14. Chất thải và rác thải trong chăn nuôi ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của con người như thế nào?  - GV dẫn dắt để học sinh nêu thêm những yêu cầu vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.  - Giáo viên gợi mở, hướng dẫn học sinh tìm hiểu thêm thông tin về xử lý chất thải trong chăn nuôi trong sách học sinh.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm đôi, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 13. Những yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường sống của vật nuôi:   * Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, không khí chuồng trại * Hướng chuồng, kiểu chuồng, xử lí chất thải, vị trí chuồng * Thức ăn và nước uống   Câu 14. Ảnh hưởng của chất thải và rác thải trong chăn nuôi đến môi trường và sức khỏe của con người:   * Là địa điểm trú ngụ của nhiều loại côn trùng gây nguy hiểm, như ruồi, muỗi, gián, các mầm mống gây bệnh… => Những loại rất dễ dàng truyền các bệnh nguy hiểm như: sốt xuất huyết, tay chân miệng, hay nguy hiểm hơn là mần móng của các bệnh ung thư, hô hấp… ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của vật nuôi và con người * Có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người, làm giảm sức đề kháng vật nuôi, tăng tỷ lệ mắc bệnh, năng suất bị giảm, tăng các chi phí phòng trị bệnh, hiệu quả kinh tế của chăn nuôi không cao,... * Ảnh hưởng rất nhiều đến nguồn nước ngầm (với nhiều hộ ở nông thôn vẫn hay dùng giếng làm nước sinh hoạt chính, nên nguồn nước ngầm rất quan trọng), hay nguồn đất có thể bị ảnh hưởng. * Bón phân động vật không qua xử lý, sẽ làm chết cây, gây úng hoặc thối rễ. * Sản phẩm thịt và các sản phẩm khác từ vật nuôi sẽ không được sạch và an toàn tuyệt đối.   - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép |     **Nội dung cốt lõi:** Các yếu tố môi trường sống của vật nuôi như: khí hậu trongchuồng, xây dựng chuồng nuôi, thức ăn và nước uống… cần được đảm bảo các yêu cầu vệ sinh.  **2.3.2. Vệ sinh thân thể vật nuôi**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh nhận biết được các yêu cầu về vệ sinh thân thể vật nuôi.  **b) Nội dung:** Ý nghĩa và công việc vệ sinh thân thể vật nuôi.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Các công việc vệ sinh thân thể vật nuôi.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên gợi mở, dẫn dắt học sinh tìm hiểu và rút ra kết luận về ý nghĩa và các câu việc cần làm để vệ sinh thân thể vật nuôi.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  - Giáo viên giúp học sinh tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học. | ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Nhận xét các câu trả lời của nhau  - HS bổ sung kiến thức phần ghi chép. |   **Nội dung cốt lõi:** Khi chăn nuôi, cần đảm bảo vệ sinh thân thể cho vật nuôi; tắm, chải và cho vật nuôi vận động hợp lí.  **Hoạt động 3. Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh củng cố kiến thức về kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi.  **b) Nội dung:** Bài tập phần luyện tập trong sách học sinh.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp án bài tập phần luyện tập trong sách học sinh.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** Giáo viên dẫn dắt, gợi mở để học sinh trả lời câu hỏi trong sách học sinh.  Câu 1. Vì sao chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi lại ảnh hưởng đến năng suất chất lượng sản phẩm chăn nuôi?  Câu 2. Trình bày biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc cho các vật nuôi được minh họa trong hình 10.8.   Câu 3. Cách chăm sóc vật nuôi đực giống khác với vật nuôi cái sinh sản như thế nào?  - Hướng dẫn học sinh trả lời dựa trên kiến thức đã học.  -Giáo viên hướng dẫn HS trả lời dựa trên sự khác biệt về đặc điểm của hai nhóm vật nuôi.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả, tổng hợp, ghi nhận phần kiến thức chuẩn  Câu 1.   * Nếu chăm sóc, phòng và điều trị bệnh không tốt dẫn đến vật nuôi có hệ miễn dịch không tốt, sức đề kháng kém, sức khỏe yếu, không đáp ứng được nhu cầu người tiêu dùng. * Ảnh hưởng rất lớn đến năng suất cũng như chất lượng sản phẩm chăn nuôi, nguồn sản phẩm không còn sạch và an toàn. * Sự sống vật nuôi ngắn hạn dẫn đến tổn thất kinh tế cho người nuôi.   **Câu 2.**   * Hình 10.8a: Cho vật nuôi con vận động để tăng cường sức khỏe, tiếp xúc nhiều với nắng sớm để cơ thể khỏe mạnh và trao đổi chất tốt. * Hình 10.8b: Giữ vệ sinh chuồng sạch sẽ, khô ráo tạo điều kiện tốt nhất cho vật nuôi sinh hoạt * Hình 10.8c: Cho bú sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng, nhiều kháng thể giúp cho cơ thể vật nuôi non chống lại bệnh tật.   **Câu 3.**  Chế độ nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn mang thai và giai đạn nuôi con quyết định đến chất lượng đàn vật nuôi con.   * Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống nhằm đạt khả năng giao phối giống cao và cho vật nuôi đời sau có chất lượng tốt.   => Chăm sóc con bố mẹ tốt thì khả năng sản xuất ra đời con thế hệ sau được tốt hơn và chất lượng hơn.  - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét.  **Hoạt động 4. Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Giúp học sinh cũng cố và vận dụng các kiến thức, kỹ năng chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi vừa học vào thực tiễn.  **b) Nội dung:** Bài tập phần vận dụng trong sách học sinh và bài tập về nhà trong sách bài tập.  **c) Sản phẩm dự kiến:** Đáp án bài tập phần vận dụng và bài tập về nhà.  **d) Tổ chức hoạt động dạy học**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - Giáo Viên gợi mở, hướng dẫn thực hiện yêu cầu trong sách học sinh.  - Gợi ý: Học sinh xác định loài vật nuôi ở gia đình, địa phương, nhận xét công việc chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi trên cơ sở yêu cầu kỹ thuật nuôi dưỡng của mỗi loại vật nuôi.  - Giáo viên giao bài tập cho học sinh thực hiện ở nhà.  - Giáo Viên Gợi mở hướng dẫn thực hiện yêu cầu trong sách học sinh  - Gợi ý: Học sinh xác định loài vật nuôi ở gia đình, địa phương, nhận xét công việc chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi trên cơ sở yêu cầu kỹ thuật nuôi dưỡng của mỗi loại vật nuôi.  - Giáo viên giao bài tập cho học sinh thực hiện ở nhà.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tiếp nhận câu hỏi và về tìm đáp án.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày kết quả ở giờ học sau.  - Nhận xét các câu trả lời của nhau.  ***\* Kết luận, nhận định:*** GV đánh giá, nhận xét. | | | | | |